TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-PT
Ngày 14-7-2022
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Th

Ông Lại Văn Tùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Hoàng Giang -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định*:** Bà Mai Thị B1 Huyên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Phạm Thị Th; sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm LT, xã GP, huyện GT, tỉnh NĐ; "có mặt".

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm LP, xã GP, huyện GT, tỉnh NĐ; "có mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm LP, xã GP, huyện GT, tỉnh NĐ; "có mặt".

- Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm LT, xã GP, huyện GT, tỉnh NĐ; "có mặt".

- Bà Nguyễn Thị V; sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm LP, xã GP, huyện GT, tỉnh NĐ; "vắng mặt".

- Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm LP, xã GP, huyện GT, tỉnh

NĐ; "có mặt".

- Bà Nguyễn Thị M; sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm LP, xã GP, huyện GT, tỉnh NĐ; "vắng mặt".

- Bà Nguyễn Thị D; sinh năm 1977; địa chỉ: 175/3, tổ 2, ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; "vắng mặt".

- Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm Lâm T xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố Lâm Ninh, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 3 xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm 1983; địa chỉ: Tôn 6, xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thận; "vắng mặt".

(Bà D, bà D1, chị B, chị B1 ủy quyền cho ông H).

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn cụ Phạm Thị Th trình bày: Cụ Nguyễn Văn Viễn và cụ Vũ Thị Ngợi có 5 người con là Nguyễn Văn Nhai, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V. Năm 1963, cụ Ngợi chết, không để lại di chúc. Năm 1968, cụ và cụ Viễn kết hôn và cùng chung sống tại xóm Lâm Hào. Cụ và cụ Viễn có 3 người con là Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị D. Năm 1982, ông Nhai chết, không để lại di chúc. Ông Nhai có vợ là bà Nguyễn Thị Tin, và có 3 con là Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị B1. Năm 1985, cụ Viễn và cụ Th được Nhà cấp đất tại xóm Lâm T. Hai cụ đã xây dựng nhà và các các công trình trên đất. Sau đó, hai cụ đã cho ông T một nửa diện tích đất để ở. Năm 1993 cụ Viễn chết, không để lại di chúc. Năm 2004, cụ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 2II tại Xóm LT, xã GP, huyện GT, tỉnh NĐ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 452306 vào ngày 30- 9- 2004 với diện tích là 392 m^2) và đây là tài sản chung của cụ và cụ Viễn. Từ trước tới nay, cụ sử dụng đất không tranh chấp với ai và làm nghĩa vụ với nhà nước. Năm 2015, ông T chuyển nhượng toàn bộ thửa đất bố mẹ đã cho cho con trai là anh Nguyễn Văn Tiên. Năm 2020, vợ cH anh Tiên chuyển nhượng lại toàn bộ phần diện tích trên cho ông Nguyễn Văn Đình và bà Trần Thị V. Năm 2021, cụ đã vay mượn làm nhà trên đất để ở. Thời gian qua, gia đình cụ đã đến Ủy ban nhân dân xã Giao Phong để làm văn bản phân chia, tặng cho di sản thừa kế nhưng bà Nguyễn Thị L không nhất trí. Nay cụ khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật, về tiền làm nhà là của cụ Th, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-12-2021 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là Nguyễn Thị L trình bày: Cụ Ngợi, cụ Viễn

có 5 người con, sau khi cụ Ngợi chết, cụ Viễn kết hôn với cụ Th và có 3 con chung. Cụ Viễn, cụ Ngợi, ông Nhai chết đều không để lại di chúc. Nguồn gốc đất tranh chấp là do đổi đất mà có. Nay cụ Th khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bà đề nghị chia thành ba (cụ Th, cụ Viễn, cụ Ngợi), bà không nhận tiền, không nhận đất chỉ để thờ cúng. Tại phiên tòa, bà từ chối nhận di sản.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24-12-2021 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn T trình bày: Cụ Viễn và cụ Ngợi trước kia ở xóm Lâm Hào, đất của ông bà ngoại vì ông bà ông ngoại không có con trai. Khi cụ Viễn còn sống đã chia đất cho 3 con trai. Sau khi cụ Ngợi chết, cụ Viễn kết hôn với cụ Th và đã chuyển ra Lâm T ở như hiện nay, đất do Nhà nước cấp và bố mẹ ông đã bán cho ông 4 chỉ vàng nhưng không có căn cứ chứng minh, ông chỉ đồng ý chia cho cụ Th 1/3 diện tích đất. Tại phiên tòa, ông từ chối nhận di sản.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24-12-2021 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn H trình bày: Cụ Ngợi và cụ Viễn có 5 người con là: ông Nhai, ông T, bà Liễu, bà H1 và ông; cụ Ngợi chết năm 1963, cụ Viễn chết năm 1993, ông Nhai chết năm 1982, đều không để lại di chúc; cụ Viễn kết hôn với cụ Th năm 1968 và năm 1985 được Nhà nước cấp đất tại xóm Lâm T, từ khi cụ Viễn chết, cụ Th là người quản lý, sử dụng nhà đất nên cụ Th có toàn quyền quyết định với mảnh đất này; phần diện tích đất cụ Th đang quản lý sử dụng là của cụ Th, nếu phải chia thừa kế, ông cũng như vợ con của ông Nhai, bà D, bà M, bà H1, bà V đều nhất trí để lại hết cho cụ Th, không yêu cầu thanh toán chênh lệch tài sản.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24-12-2021 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị M trình bày: nhất trí với ý kiến của ông H. Cụ Th là người có quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bà đều tự nguyện thống nhất để kỷ phần của mình được hưởng cho cụ Th, không yêu cầu thanh toán chênh lệch tài sản.

Tại đơn xin ủy quyền và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị D trình bày: Cụ Th yêu cầu chia thừa kế, chị để lại cho cụ Th, không yêu cầu thanh toán; do bận công việc nên chị ủy quyền cho ông H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24-01-2022 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị T1 trình bày: cH bà là Nguyễn Văn Nhai chết năm 1982, có 3 người con là Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị B1, gia đình bà không có đóng góp gì đối với tài sản của cụ Viễn, cụ Th. Mẹ con bà tự nguyện để lại cho cụ Th, không yêu cầu thanh toán.

Tại bản tự khai ngày 29-12-2021 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị D1 trình bày: Bố chị là

Nguyễn Văn Nhai, đã chết năm 1982 và mẹ là Đặng Thị T1. Bố mẹ chị có 3 người con Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị B1. Nay cụ Th yêu cầu chia thừa kế, mẹ con chị đều tự nguyện để lại cho cụ Th, không yêu cầu thanh toán; do bận công việc nên chị ủy quyền cho ông H.

Tại bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng anh Nguyễn Văn Tiên và chị Cao Thị Hương trình bày: Vợ cH anh chị được ông Nguyễn Văn T tặng cho thửa đất tại xóm Lâm T xã Giao Phong, sau đó vợ cH anh chị đã chuyển nhượng cho vợ cH ông Đình, bà V. Khi bố mẹ anh chị tặng cho và sau này vợ cH anh chị chuyển nhượng cho ông Đình, bà V mọi người trong gia đình đều biết, đều nhất trí, không ai có ý kiến tranh chấp gì. Nay anh chị không liên quan, đề nghị Tòa án không triệu tập.

Tại biên bản làm việc ngày 29-12-2021, bà Trần Thị V trình bày: Vợ cH bà nhận chuyển nhưởng thửa đất tại xóm Lâm T xã Giao Phong của vợ cH anh Tiên, chị Hương, đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng tự nguyện, hợp pháp nên nay không có liên quan gì.

Tại biên bản làm việc ngày 08-01-2022, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giao Thủy cung cấp: Hồ sơ cấp đất cho ông T, bà Th văn phòng không còn lưu giữ; việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ cH ông T và vợ cH anh Tiên, chị Hương là hợp pháp.

Tại biên bản làm việc ngày 29-12-2021, công an xã Giao Phong cung cấp: Hộ bà Th chỉ có một mình bà Th.

Tại biên bản làm việc ngày 29-12-2021, Ủy ban nhân dân xã Giao Phong cung cấp: Tại bản đồ năm 1986 hợp tác xã Giao Phong, tờ số 1a, đất tranh chấp mang tên cụ Viễn, diện tích là 700 m^2, tại Bản đồ địa chính khu dân cư xã Giao Phong năm 2003, tờ số 2, phụ lục II, mang tên T với diện tích là 785 m^2 và có sự chỉnh sửa, một phần diện tích 392 m^2 mang tên cụ Th và một phần diện tích 393 m^2 mang tên Tiên (con trai ông T) (Sở dĩ có sự chênh lệch về diện tích đất giữa số liệu bản đồ năm 2003 và 1986 là do đo máy và đo bằng thước). Tại trang số 40 Sổ mục kê đất tại xã Giao Phong năm 2005 (lập theo danh sách năm 2003, đo năm 2003), thửa đất số 66 với diện tích là 785 m^2 được cấp chung thửa cho cụ Th và ông T. Cụ thể: Cụ Phạm Thị Th: 120 m^2 đất ở, 272 m^2 đất vườn; ông T: 120 m^2 đất ở, 273 m^2 đất vườn. Tại Sổ theo dõi giao đất xã Giao Phong, trong danh sách cấp thổ đợt I năm 1985 có tên cụ Viễn, với diện tích đất là 754 m^2. Nguồn gốc đất tranh chấp là đất do Nhà nước cấp cho hộ gia đình kinh tế mới, không phải đóng gì, chỉ có Th lệ phí trước bạ. Khi chuyển nhượng gần một nửa diện tích đất hiện có cho ông T thì cụ Viễn vẫn còn sống. Từ khi cụ Viễn chết, cụ Th là người quản lý sử dụng tài sản một nửa phần tài sản còn lại là 392 m^2. Từ trước tới nay, thửa đất được sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp về ranh giới với các hộ liền kề, mốc giới. Năm 2015, ông T chuyển nhượng lại toàn bộ phần diện tích cụ Viễn đã cho trước đây là 393 m^2 cho con trai là Nguyễn Văn Tiên. Năm 2020, anh Tiên chuyển nhượng lại cho ông Đình, bà V; nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo

quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 29-12-2021 cụ thể như sau: Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 2II ,tại xóm Liên Phong xã Giao Phong có vị trí như sau: Phía Bắc giáp đường dong xóm: rộng 13,4m; phía Nam giáp thổ bà Nhài: rộng 13,5 m; phía Tây giáp thổ ông Định dài 24,8 m; phía Đông giáp thổ ông Cường: dài 27,1 m; có tổng diện tích là có tổng diện tích là 395 m^2 trên diện tích có các công trình xây dựng sau: nhà 1 tầng: 247.795.200 đồng, bếp: 32.626.800 đồng; sân, lối đi đổ bê tông: 14.307.840 đồng; chuồng gà, nhà tắm, vệ sinh: 11.656.320 đồng. Đất có giá trị chuyển nhượng ở địa phương tại thời điểm định giá là: Trị giá đất là: 2.220.000đồng/m^2 x 392 m^2 = 870.240.000 đồng. Đối với các công trình xây dựng trên đất có giá trị là 306.386.000 đồng, có tổng giá trị là: 1.176.626.000 đồng. Các đương sự đều nhất trí với kết quả thẩm định và định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/20212DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã quyết định.

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 620, 623, 650, 651, 652 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phạm Thị Th về việc chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn Viễn.

2. Giao cụ Phạm Thị Th tiếp tục sử dụng 392 m^2 đất và được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất Thộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 2II tại Xóm LP, xã GP, huyện GT, tỉnh NĐ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 452306 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp ngày 30- 9- 2004.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T từ chối nhận di sản.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị B1, chị Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị D1 nhượng lại phần di sản thừa kế được hưởng của cụ Viễn cho cụ Th và không yêu cầu thanh toán giá trị di sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01-4-2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy theo thủ tục phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng buộc bà H1, bà M, bà D, bà D1, chị B1, chị B

phải nộp tiền án phí theo kỷ phần di sản thừa kế được hưởng, đảm bảo nguồn Th cho ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 có quan điểm nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định. Về nghĩa vụ nộp tiền án phí chia di sản thừa kế ông H, bà H1 đề nghị, mặc dù một số con, cháu của cụ Phạm Thị Th được chia di sản thừa kế nhưng lại tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho cụ Th và không yêu cầu cụ Th phải thanh toán giá trị di sản. Tuy nhiên do cụ Th hiện nay tuổi cao sức yếu, không có điều kiện nộp tiền án phí. Vì vậy, đề nghị tòa tuyên ai được chia thì người đó phải nộp tiền án phí theo kỷ phần mà họ được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy được ban hành trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội D Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 HĐXX nhận thấy: Cấp sơ thẩm xác định khối di sản thừa kế và những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Viễn để lại, cũng như việc phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy là có căn cứ. Tuy nhiên các đồng thừa kế là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị B1, chị Nguyễn Thị B đã nhận kỷ phần thừa kế của mình và tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho cụ Phạm Thị Th. Cụ Th, ông H, bà V là những người được miễn án phí, nhưng bà H1, bà M, bà D, bà D1, chị B1 và chị B không Thộc trường hợp được miễn án phí, cho nên họ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm cho kỷ phần di sản thừa kế mà họ được chia. Bản án sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với những người nói trên là thiếu sót, không đúng với quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức Th, miễm, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy kháng nghị của Viện kiểm sát về nội D này là có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Sửa một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ nộp tiền án phí đối với các đương sự như nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức Th, miễm, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận Kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D mỗi người phải nộp 2.417.000đ (Hai triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị B1, chị Nguyễn Thị B mỗi người phải nộp 805.600đ (Tám trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

Vũ Hà Nam